UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1266/QĐ-SYT	*Đà Nẵng, ngày 07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) (Đợt 3) thuộc Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Luật số 57/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/ TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU- GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số E2500117126_2503292113 ngày 31/3/2025 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng V/v phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT gói thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Mã TBMT: IB2500117126-00);

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 1) số 10.TCGĐGHSDT ngày 18/6/2025; Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) (Đợt 2) Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng số 13.TCGĐGHSDT ngày 11/8/2025; Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) (Đợt 2) Bổ sung - Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng số 14.TCGĐGHSDT ngày 25/8/2025;

Căn cứ Tờ trình số 101/TTr-NVD ngày 17/9/2025 của Phòng Nghiệp vụ Dược - Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 2); Tờ

trình số 182/TTr-NVD ngày 23/10/2025 của Phòng Nghiệp vụ Dược - Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 3);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 07.TTĐKQLCNT ngày 29/9/2025 của Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) thuộc Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 2); Báo cáo thẩm định số 12.TTĐKQLCNT ngày 28/10/2025 của Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) thuộc Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 3);

Căn cứ Biên bản họp ngày 21/10/2025 về việc xử lý các nội dung liên quan đến kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược tại Phiếu trình số 202/PT-NVD ngày 05/11/2025 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) (Đợt 3) thuộc Mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục) (Đợt 3); thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500117126.

- Tên gói thầu: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (2.342 danh mục).

- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 2.635.365.887.275 VND.

- Tên chủ đầu tư: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 Tháng.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Theo Phụ lục 1 đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Theo Phụ lục 2 đính kèm.

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Theo Phụ lục 3 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Nghiệp vụ Dược, Phòng Kế hoạch tài chính căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện thỏa thuận khung. Trên cơ sở thỏa thuận khung được ký kết giữa Sở Y tế và các nhà thầu, giao các cơ sở y tế căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Giám đốc các cơ sở y tế và các nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để giám sát);
- BHXH thành phố Đà Nẵng (để phối hợp);
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII (để p/hợp);
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 0400260612
Thời gian ký: 07-11-2025 16:17:41

Trần Thanh Thủy

Phụ lục 1. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

(Đính kèm Quyết định số 1266/QĐ-SYT ngày 07/11/2025 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng)

STT	Mã phần/lô	Mã định danh	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2500160058	vn4401044795	Amoxicilin + acid clavulanic	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	295.638.840,0	295.638.840,0	82	295.638.840,0	295.638.840,0	24 tháng	24 tháng	
2	PP2500160140	vn4401044795	Cefixim	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VẬT TƯ Y TẾ QUANG MINH	4401044795	570.240.453,0	570.240.453,0	82	570.240.453,0	570.240.453,0	24 tháng	24 tháng	
3	PP2500160152	vn0401765052	Cefoperazon + sulbactam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG BÌNH AN	0401765052	7.870.745.000,0	7.870.745.000,0	85	7.870.745.000,0	7.870.745.000,0	24 tháng	24 tháng	
4	PP2500160214	vn0101509266	Doripenem*	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM THANH BÌNH	0101509266	3.878.400.000,0	3.878.400.000,0	83	3.878.400.000,0	3.878.400.000,0	24 tháng	24 tháng	
5	PP2500160251	vn0300483319	Amikacin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	1.367.250.000,0	1.367.250.000,0	91	1.367.250.000,0	1.367.250.000,0	24 tháng	24 tháng	
6	PP2500160553	vn0400712971	Paclitaxel	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC	0400712971	1.250.005.000,0	1.250.005.000,0	84	1.250.005.000,0	1.250.005.000,0	24 tháng	24 tháng	
7	PP2500160592	vn0101150040	Nimotuzumab	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH	0101150040	5.288.780.000,0	5.288.780.000,0	84	5.288.780.000,0	5.288.780.000,0	24 tháng	24 tháng	
8	PP2500161855	vn4100259564	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	362.642.511,0	362.642.511,0	87	362.642.511,0	362.642.511,0	24 tháng	24 tháng	
9	PP2500161856	vn4100259564	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	2.353.606.500,0	2.353.606.500,0	87	2.353.606.500,0	2.353.606.500,0	24 tháng	24 tháng	
10	PP2500161905	vn0104089394	Magnesi sulfat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	4.810.000,0	4.810.000,0	87	4.810.000,0	4.810.000,0	24 tháng	24 tháng	
11	PP2500161978	vn1600699279	Vitamin A	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1600699279	536.974.095,0	536.974.095,0	87	536.974.095,0	536.974.095,0	24 tháng	24 tháng	
	Tổng cộng		**11 thuốc**	**09 nhà thầu**						**23.779.092.399,0**			

Phụ lục 2. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

(Đính kèm Quyết định số 1266/QĐ-SYT ngày 07/11/2025 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng)

STT	Mã phần/lô	Mã định danh	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	PP2500160058	vn1400384433	Amoxicilin + acid clavulanic	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	1400384433	Nhà thầu không xếp hạng 1
2	PP2500160140	vn1400384433	Cefixim	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	1400384433	Nhà thầu không xếp hạng 1
3	PP2500160152	vn0400556842	Cefoperazon + sulbactam	Công ty TNHH Chánh Tâm	0400556842	Nhà thầu không xếp hạng 1
4	PP2500160214	vn0314294752	Doripenem*	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RITA PHẠM	0314294752	Nhà thầu không xếp hạng 1
5	PP2500160251	vn2500573637	Amikacin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QDU	2500573637	Nhà thầu không xếp hạng 1
6	PP2500160553	vn4100259564	Paclitaxel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	Nhà thầu không xếp hạng 1
7	PP2500161295	vn4100259564	Berberin (hydroclorid)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	HSDT không đáp ứng yêu cầu về hàm lượng của HSMT. - HSMT: berberin (hydroclorid) 100 mg nghĩa là: base berberin 100 mg. - HSDT: berberin hydroclorid 100 mg (tính theo muối).
8	PP2500161978	vn0302533156	Vitamin A	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	0302533156	Nhà thầu không xếp hạng 1
	Tổng cộng		**08 thuốc**	**06 nhà thầu**		

Phụ lục 3. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu

(Đính kèm Quyết định số 1266/QĐ-SYT ngày 07/11/2025 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng)

STT	Mã phần/lô	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)	Tiến độ cung cấp
1	PP2500160058	2250350003574.02	Lanam SC 200mg/28,5mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali : syloid 1:1)	200mg + 28,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	H/12 gói, T/960	Nhóm 2	24 tháng	VD-32519-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	45.560	6.489,0	295.638.840,0	24 tháng
2	PP2500160140	2250330004393.02	Imexime 100	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat)	100mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12, T/2160 gói	Nhóm 2	24 tháng	VD-30398-18	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Việt Nam	Gói	100.767	5.659,0	570.240.453,0	24 tháng
3	PP2500160152	2250370004513.02	Bacsulfo 1g/1g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 2	24 tháng	893110386824 (VD-32834-19)	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	108.562	72.500,0	7.870.745.000,0	24 tháng
4	PP2500160214	2250330005130.05	Vicidori 500mg	Doripenem (dưới dạng Doripenem monohydrat)	500mg	Tiêm truyền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 5	36 tháng	893110899824 (VD-24894-16)	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	7.680	505.000,0	3.878.400.000,0	24 tháng
5	PP2500160251	2250380005500.02	Selemycin 500mg/2ml	Amikacin	500mg	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Hộp chứa 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhóm 2	48 tháng	VN-15089-12	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	ống	36.460	37.500,0	1.367.250.000,0	24 tháng
6	PP2500160553	2250360008521.04	Herataxol	Paclitaxel	30mg/5ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhóm 4	24 tháng	893114116225	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Lọ	11.236	111.250,0	1.250.005.000,0	24 tháng
7	PP2500160592	2250360008910.05	CIMAher	Nimotuzumab (Humanized Monoclonalantibody against EGF Receptor)	50mg/10ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 04 lọ x 10ml	Nhóm 5	36 tháng	850410110124 (QLSP-1002-17)	Centro de Inmunologia Molecular (CIM)	CuBa	Lọ	1.036	5.105.000,0	5.288.780.000,0	24 tháng
8	PP2500161855	2250360021544.04	Oresol	Natri clorid; Kali Clorid; Tri natricitrat khan (dưới dạng Tri natricitrat dihydrat); Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	3,5g; 1,5g; 2,545g; 20g	Uống	Thuốc bột	Hộp 100 gói x 27,9g	Nhóm 4	36 tháng	893100160825 (VD-29957-18)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	243.221	1.491,0	362.642.511,0	24 tháng
9	PP2500161856	2250380021555.04	Oresol new	Natri Clorid; Kali Clorid; Trinatri citrat khan (dưới dạng Trinatri citrat. 2H2O); Glucose khan (dưới dạng glucose monohydrate)	0,52g; 0,3g; 0,509g; 2,7g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 20 gói x 4,22g	Nhóm 4	36 tháng	893100125225 (VD-23143-15)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	2.241.530	1.050,0	2.353.606.500,0	24 tháng
10	PP2500161905	2250370022043.04	Magnesi-BFS 15%	Magnesi sulfat heptahydrat	750mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	Nhóm 4	36 tháng	893110101724	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	1.300	3.700,0	4.810.000,0	24 tháng
11	PP2500161978	2250350022773.04	AGIRENYL	Vitamin A	5000IU	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên. Chai 100 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100163425 (VD-14666-11)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	2.191.731	245,0	536.974.095,0	24 tháng
																	23.779.092.399,0	